

Số: 03/2025/QĐCNHGT-KDTM

Hải Phòng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Công ty C1 và Công ty cổ phần T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Công ty C1.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Công ty C1; địa chỉ trụ sở: Tầng I Cao ốc S, số C T, phường B, Quận A (nay là phường S), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Quang L; chức vụ: Nhân viên Công ty C1; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 909.2025/GUQ-COL ngày 06/10/2025).

- Người bị kiện: Công ty cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Số D Chùa V, tổ dân phố P, phường Đ, thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đinh Huy V; chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần T; là người đại diện theo pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Huy V; nơi cư trú: Số D Chùa V, tổ dân phố P, phường Đ, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Đinh Huy C; nơi cư trú: Số I Chùa V, P, phường Đ, thành phố Hải Phòng.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 10 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 10 năm 2025, cụ thể như sau:

1.1. Về khoản nợ gốc, lãi: Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Công ty C1, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Công ty cổ phần T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Huy V và ông Đinh Huy C thống nhất: Tính đến ngày 28/10/2025, Công ty cổ phần T còn nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 tổng cộng số tiền tạm tính là 2.076.189.654 (Hai tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi tư) đồng; trong đó nợ gốc là 835.183.983 (Tám trăm ba mươi lăm triệu, một trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi ba) đồng và nợ lãi là 1.241.005.671 (Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu, không trăm linh năm nghìn, sáu trăm bảy mươi một) đồng (theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B221137811 ngày 22/11/2022, Hợp đồng cho thuê tài chính số B221141711 ngày 22/11/2022 và Hợp đồng cho thuê tài chính số B230350711 ngày 28/03/2023). Trong đó:

+ Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B221137811 ngày 22/11/2022 Công ty cổ phần T còn nợ Công ty C1 tổng số tiền 949.449.848 (Chín trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi tám) đồng (bao gồm: Nợ gốc là: 437.718.009 (Bốn trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm mười tám nghìn, không trăm linh chín) đồng và nợ lãi là: 511.731.839 (Năm trăm mười một triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, tám trăm ba mươi chín) đồng.

+ Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B221141711 ngày 22/11/2022 Công ty cổ phần T còn nợ Công ty C1 tổng số tiền 476.832.648 (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng (bao gồm: Nợ gốc là: 220.966.741 (Hai trăm hai mươi triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm bốn mươi một) đồng và nợ lãi là: 255.865.907 (Hai trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm linh bảy) đồng.

+ Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B230350711 ngày 28/03/2023 Công ty cổ phần T còn nợ Công ty C1 tổng số tiền 649.907.158 (Sáu trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm linh bảy nghìn, một trăm năm mươi tám) đồng (bao gồm: Nợ gốc là: 176.499.233 (Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi là: 473.407.925 (Bốn trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, chín trăm hai mươi lăm) đồng.

1.2. Về tiền lãi phát sinh: Công ty cổ phần T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/10/2025 theo quy định của các Hợp đồng cho thuê tài chính số B221137811 ngày 22/11/2022, Hợp đồng cho thuê tài chính số B221141711 ngày 22/11/2022 và Hợp đồng cho thuê tài chính số B230350711 ngày 28/03/2023.

1.3. Công ty C1 đồng ý miễn giảm một phần tiền lãi cho Công ty cổ phần T với số tiền là: 992.804.537 (Chín trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bốn nghìn, năm trăm ba mươi bảy) đồng. Số tiền nợ Công ty cổ phần T phải trả sau khi miễn giảm còn lại là: 1.083.385.117 (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bảy) đồng. Tại phiên hoà giải ngày 28/10/2025, Công ty cổ phần T đã thanh toán cho Công ty C1 số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Vì vậy số tiền Công ty cổ phần T còn nợ Công ty C1 sau khi miễn giảm một phần tiền lãi là 983.385.117 (Chín trăm tám mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, một trăm mười bảy) đồng.

- Lộ trình trả nợ của Công ty cổ phần T cam kết như sau:

+ Kể từ tháng 12/2025 đến tháng 8/2026, chậm nhất vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng Công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty C1 số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

+ Công ty cổ phần T tất toán toàn bộ khoản nợ còn lại chậm nhất vào ngày 25/9/2026.

1.4. Trường hợp Công ty cổ phần T vi phạm lộ trình trả nợ nêu trên, Công ty C1 sẽ không miễn giảm khoản tiền lãi là 992.804.537 (Chín trăm chín mươi hai triệu, tám trăm linh bốn nghìn, năm trăm ba mươi bảy) đồng và yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành ngay toàn bộ khoản nợ phải trả.

1.5. Trường hợp Công ty cổ phần T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, ông Đinh Huy V và ông Đinh Huy C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 đầy đủ số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND khu vực 4 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Diệu Hương